

## KẾ HOẠCH

### Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Quảng Bình năm 2022

Theo kết quả công bố của Liên đoàn Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) ngày 27/4/2022, chỉ số PCI tỉnh Quảng Bình xếp thứ 57/63 giảm 05 bậc so với năm 2020.

So với năm 2020, trong 10 chỉ số thành phần có 04 chỉ số tăng hạng (1) tính minh bạch: (+) 27 bậc; (2) chi phí không chính thức: (+) 5 bậc; (3) tính năng động và tiên phong của chính quyền: (+) 25 bậc; (4) thiết chế pháp lý và an ninh trật tự: (+) 02 bậc. 06 chỉ số thành phần giảm hạng: (1) chi phí gia nhập thị trường: (-) 16 bậc; (2) Chi phí tiếp cận đất đai: (-) 13 bậc; (3) Chi phí thời gian: (-) 04 bậc; (4) Cạnh tranh bình đẳng: giữ nguyên thứ hạng; (5) chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: (-) 38 bậc; (6) Chi phí đào tạo lao động: (-) 19 bậc.

PCI là chỉ số đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố tại Việt Nam; là nguồn thông tin hữu ích cho các nhà đầu tư tìm hiểu, nghiên cứu khi dự định đầu tư vào một tỉnh; là thông tin quan trọng để lãnh đạo tỉnh cũng như các nhà hoạch định chính sách có thể xác định những điểm nghẽn trong điều hành kinh tế, từ đó lựa chọn giải pháp phù hợp để tiến hành những cải cách quản lý, điều hành nền kinh tế một cách tốt hơn.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh và xếp hạng chỉ số PCI của tỉnh, UBND tỉnh Quảng Bình ban hành kế hoạch nâng cao chỉ số PCI năm 2022, với các nội dung chủ yếu sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

##### 1. Mục đích:

Toàn hệ thống chính trị cùng phát huy điểm mạnh, khắc phục các điểm yếu để tạo sự thay đổi tích cực, rõ nét hơn về môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh; xác định đồng hành cùng doanh nghiệp theo hướng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Từng bước cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Quảng Bình trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

##### 2. Yêu cầu:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động, tích cực, trong công tác chỉ đạo, điều hành, quán triệt và tổ

chức triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời và đầy đủ kế hoạch này; xác định rõ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên của tỉnh trong năm 2022 và cả những năm tiếp theo.

- Các sở, ban, ngành, địa phương được phân công chủ trì các chỉ số thành phần hoặc làm đầu mối chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc đề xuất và tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để cải thiện các chỉ số thành phần thuộc bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được giao phụ trách.

- Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm về các chỉ tiêu thuộc chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực phụ trách.

## II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

**2.1. Mục tiêu:** Phần đầu cải thiện thứ hạng PCI cấp tỉnh từ 45-50 trong đó các chỉ số thành phần: (i) các chỉ số tốt: giữ nguyên thứ hạng; (ii) các chỉ số thành phần xếp loại trung bình: Tăng 05 bậc; (iii) các chỉ số xếp hạng thấp: Tăng 10 bậc so với năm 2021.

### 2.2. Giải pháp tổng thể:

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Thường xuyên quán triệt tinh thần chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh về công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đến từng cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu và đề xuất giải pháp nhằm cải thiện chỉ số PCI liên quan đến đơn vị mình.

- Tăng cường, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, giảm bớt, tinh gọn, đơn giản hoá quy trình, thủ tục trong quyết định các vấn đề kinh tế - xã hội; quy trình, thủ tục trong nội bộ các cơ quan, đơn vị và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; bảo đảm sự quản lý thống nhất, phối hợp liên thông, gắn kết giữa các cơ quan hành chính.

- Nâng động bám sát, nắm chắc cơ sở và hoạt động sản xuất, đầu tư kinh doanh trên địa bàn để nắm bắt thông tin, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp; kiến nghị, đề xuất đúng cơ quan, đúng cấp có thẩm quyền.

- Có giải pháp kiểm tra, giám sát quá trình thực thi nhiệm vụ của cán bộ một cửa, cán bộ các phòng, ban; khắc phục tình trạng trả, ngừng xử lý hồ sơ mà không có lý do. Có biện pháp xử lý thích đáng đối với cán bộ vi phạm.

- Có các giải pháp tổng thể, mạnh mẽ tập trung vào các mục tiêu: (i) cải thiện chỉ số tỉnh đang làm tốt; (ii) khắc phục các chỉ số còn hạn chế, dưới điểm trung vị của cả nước, đặc biệt chú ý tới các chỉ số có trọng số lớn trong điểm tổng hợp PCI.

- Thành lập kênh thông tin để tiếp nhận, giải đáp hoặc chuyển đơn kiến nghị của doanh nghiệp đến cơ quan có thẩm quyền tại cơ quan thường trực hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. UBND tỉnh giao đơn vị theo dõi các chỉ số thành phần như biểu dưới đây:

TT	Chỉ số thành phần	Chỉ tiêu thứ hạng năm 2022	Cơ quan, đơn vị theo dõi
1	Gia nhập thị trường	39	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Tiếp cận đất đai	51	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Tính minh bạch	8	Sở Tư pháp
4	Chi phí thời gian	47	Văn phòng UBND tỉnh
5	Chi phí không chính thức	48	Thanh tra tỉnh
6	Cạnh tranh bình đẳng	53	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Tính năng động và tiên phong của chính quyền	31	Văn phòng UBND tỉnh
8	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	36	Sở Công thương
9	Đào tạo lao động	30	Sở Lao động, thương binh và xã hội
10	Thiết chế pháp lý và ANTT	51	Sở Tư pháp

(Chi tiết 10 chỉ số thành phần và 142 chỉ tiêu có phụ lục kèm theo)

3.2. Các đơn vị được phân công làm đầu mối phụ trách các chỉ số thành phần có trách nhiệm phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đến các chỉ tiêu thuộc thành phần do mình phụ trách để xây dựng kế hoạch cụ thể cải thiện thứ hạng các chỉ số thành phần, hoàn thành và gửi về UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/7/2022.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đến 142 chỉ tiêu thuộc 10 chỉ số thành phần tại phụ lục đính kèm Kế hoạch này có trách nhiệm phối hợp với đơn vị đầu mối theo dõi chỉ số thành phần để xây dựng kế hoạch cải thiện các tiêu tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo yêu cầu của cơ quan đầu mối theo dõi chỉ số thành phần.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong trường hợp không đạt các chỉ tiêu nêu trên.

**3.3.** Thời gian thực hiện chế độ báo cáo: Định kỳ hàng tháng (chậm nhất vào ngày 22 hàng tháng), cơ quan đầu mối phụ trách các chỉ số thành phần báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư). Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng.

**3.4.** Sở Nội vụ triển khai việc đánh giá sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp về công tác giải quyết thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước.

**3.5.** Hội doanh nghiệp tỉnh tổng hợp các kiến nghị, khó khăn và vướng mắc của doanh nghiệp chuyên tới cơ quan quản lý nhà nước để xử lý, giải quyết, định kỳ hàng tháng và hàng quý.

**3.6.** Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương khẩn trương triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Liên đoàn Thương mại và công nghiệp VN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Báo QB, Đài PT-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Mạnh Hùng**

**BẢNG TỔNG HỢP CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ PCI TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2021**

TT	Tên chỉ số chính	Thực hiện năm 2021			Kế hoạch năm 2022 (thứ hạng)
		Điểm số	Trung vị	Thứ hạng	
CSTP 1	Gia nhập thị trường	6,42	6,88	49	39
CSTP 2	Tiếp cận đất đai	5,94	7,06	61	51
CSTP 3	Tính Minh bạch	6,79	6,02	8	8
CSTP 4	Chi phí thời gian	6,42	7,46	57	47
CSTP 5	Chi phí không chính thức	5,84	7,06	58	48
CSTP 6	Cạnh tranh bình đẳng	3,72	5,99	63	53
CSTP 7	Tính năng động và tiên phong của chính quyền	6,75	6,82	36	31
CSTP 8	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	6,31	6,85	46	36
CSTP 9	Đào tạo lao động	5,78	5,81	35	30
CSTP 10	Thiết chế pháp lý & ANTT	5,92	7,19	61	51

/



PHỤ LỤC 1- CSTP 1: GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				KH năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
	<b>Chi phí gia nhập thị trường</b>	<b>6,42</b>	<b>6,88</b>		<b>49</b>	<b>39</b>	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	10	7	Chưa tốt	42		Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên - Biến mới 2021	18%	17%	Chưa tốt	36		Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	6	5	Chưa tốt	34		Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	43%	59%	Chưa tốt	54		Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% DN Đồng ý)	56%	67%	Chưa tốt	53		Trung tâm HCC; các sở, ngành địa phương
6	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN Đồng ý)	80%	74%	Tốt	16		Trung tâm Hành chính công; Phòng giao dịch một cửa UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN Đồng ý)	40%	45%	Chưa tốt	40		Trung tâm Hành chính công; Phòng giao dịch một cửa UBND các huyện, thị xã, thành phố
8	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN Đồng ý)	49%	50%	Chưa tốt	35		Trung tâm Hành chính công; Phòng giao dịch một cửa UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021 (% DN Đồng ý)	73%	68%	Tốt	20		Sở Kế hoạch và Đầu tư; Bảo hiểm xã hội
10	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%) - Biến mới 2021	59%	58%	Tốt	27		Trung tâm Hành chính công tỉnh
11	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021	41%	41%	Tốt	34		Trung tâm Hành chính công tỉnh
12	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý) - Biến mới năm 2021	54%	56%	Chưa tốt	38		Trung tâm Hành chính công tỉnh

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				KH năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
13	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý) - Biến mới năm 2021	49%	48%	Tốt	28		Trung tâm Hành chính công; Các sở, ban, ngành, địa phương
14	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý) - Biến mới năm 2021	39%	43%	Chưa tốt	39		Trung tâm Hành chính công tỉnh
15	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%) - Biến mới năm 2021	7%	7%	Tốt	30		Sở Kế hoạch và Đầu tư
16	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%) - Biến mới năm 2021	8%	7%	Chưa tốt	38		Sở Kế hoạch và Đầu tư
17	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021	19%	22%	Tốt	22		Trung tâm Hành chính công tỉnh
18	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	30%	9%	Chưa tốt	63		Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục thuế tỉnh; Công an tỉnh; Các sở, ngành có cấp phép kinh doanh có điều kiện
19	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	7%	0%	Chưa tốt	59		Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục thuế tỉnh; Công an tỉnh; Các sở, ngành có cấp phép kinh doanh có điều kiện
<b>Tổng cộng</b>					19		
Tốt					7		
Chưa tốt					12		



**PHỤ LỤC 2- CSTP 2: TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI**

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
	<b>Tiếp cận đất đai</b>	<b>5,94</b>	<b>7,06</b>		<b>61</b>	<b>51</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>
1	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	30	30	Tốt	31		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	DN tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	38%	55%	Chưa tốt	61		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	16%	22%	Tốt	20		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	16%	15%	Chưa tốt	36		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	33%	31%	Chưa tốt	36		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%) - Biến mới năm 2021	44%	53%	Tốt	22		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%) - Biến mới năm 2021	38%	20%	Chưa tốt	58		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
8	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%) - Biến mới năm 2021	44%	23%	Chưa tốt	55		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	1,94	1,76	Chưa tốt	55		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
10	Tỷ lệ DN tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	13%	29%	Chưa tốt	62		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
11	Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	65%	78%	Chưa tốt	59		Sở Tài nguyên và Môi trường
12	Tỷ lệ DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (%)	16%	23%	Chưa tốt	42		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
13	Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)	13%	10%	Chưa tốt	46		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
14	Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai - Biến mới năm 2021	65%	54%	Chưa tốt	46		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14</b>				
		Tốt	3				
		Chưa tốt	11				

PHỤ LỤC 3- CSTP 3: TÍNH MINH BẠCH

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
	Tính minh bạch	6,79	6,02		8	8	Sở Tư pháp
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	2,74	2,68	Tốt	22		Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3,13	3,06	Tốt	24		Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Minh bạch trong đấu thầu (% Đồng ý)	70%	82%	Chưa tốt	51		Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	84%	75%	Tốt	13		Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	7	3	Chưa tốt	59		Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	41%	43%	Chưa tốt	35		Sở Thông tin truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
7	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	56%	68%	Chưa tốt	44		Sở Thông tin truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
8	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	44%	49%	Chưa tốt	39		Sở Thông tin truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
9	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	53%	59%	Chưa tốt	38		Sở Tư pháp; Sở Thông tin truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
10	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	68%	61%	Chưa tốt	54		Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
11	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	52%	48%	Chưa tốt	45		Cục Thuế tỉnh

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
12	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	43%	36%	Chưa tốt	47		Cục Thuế tỉnh
13	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phân biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (% DN)	57%	64%	Chưa tốt	48		Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh
14	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể) - Điều chỉnh năm 2021	33%	34%	Chưa tốt	34		Sở Tư pháp
15	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể) - Biến mới năm 2021	38%	34%	Tốt	22		Sở Tư pháp
16	Chất lượng website của tỉnh - Điều chỉnh năm 2021	54,91	41,27	Tốt	10		Sở Thông tin truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
17	Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)	73%	59%	Tốt	6		Sở Thông tin truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
<b>Tổng cộng</b>					<b>17</b>		
					<b>6</b>		
					<b>11</b>		

15


PHỤ LỤC 4-CSTP 4: CHI PHÍ THỜI GIAN

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
	<b>Chi phí thời gian</b>	<b>6,42</b>	<b>7,46</b>		<b>57</b>	<b>47</b>	<b>Văn phòng UBND tỉnh</b>
1	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	30%	26%	Chưa tốt	43		Sở Tư pháp
2	Cán bộ nhà nước thân thiện (% Đồng ý)	68%	83%	Chưa tốt	62		Sở Nội vụ
3	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% Đồng ý)	74%	87%	Chưa tốt	58		Sở Nội vụ
4	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	61%	75%	Chưa tốt	62		TT HCC tỉnh và Phòng giao dịch một cửa UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% Đồng ý)	57%	74%	Chưa tốt	62		Sở Nội vụ
6	Phí, lệ phí được công khai (% Đồng ý)	94%	95%	Chưa tốt	36		TT HCC và Phòng GD 1 cửa các CQ liên quan
7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (% Đồng ý)	75%	80%	Chưa tốt	48		Văn phòng UBND tỉnh
8	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	54%	57%	Chưa tốt	35		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thành phố
9	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	56%	57%	Chưa tốt	35		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thành phố
10	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	56%	57%	Chưa tốt	33		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thành phố
11	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	13%	9%	Chưa tốt	47		Thanh tra tỉnh
12	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm - Điều chỉnh năm 2021	11%	10%	Chưa tốt	39		Thanh tra tỉnh
13	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ nhũng nhiễu doanh nghiệp (%)	17%	14%	Chưa tốt	44		Thanh tra tỉnh
14	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	24%	5%	Chưa tốt	55		Cục thuế
		<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>		
		Tốt			0		
		Chưa tốt			14		

**PHỤ LỤC 5- CSTEP 5: CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC**

TT	Tên chi số thành phần	Thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm chính
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	Số với trung vị cả nước	Thứ hạng		
	<b>Chi phí không chính thức</b>	<b>5,84</b>	<b>7,06</b>		<b>58</b>	<b>48</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>
1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý)	50%	41%	Chưa tốt	48		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thành phố
2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	66%	55%	Tốt	15		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thành phố
3	Hiện tượng những nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	61%	57%	Chưa tốt	41		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thành phố
4	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	81%	87%	Chưa tốt	52		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thành phố
5	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	32%	21%	Chưa tốt	51		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thành phố
6	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%) - Biến mới năm 2021	25%	19%	Chưa tốt	47		Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021	66%	63%	Chưa tốt	45		Các sở, ban, ngành có cấp phép kinh doanh có điều kiện
8	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra tra phòng cháy, chữa cháy (%) - Biến mới năm 2021	46%	30%	Chưa tốt	54		Công An tỉnh (PCCC)
9	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%) - Biến mới năm 2021	50%	33%	Chưa tốt	43		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố (P. TNMT)
10	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%) - Biến mới năm 2021	52%	50%	Chưa tốt	39		Sở Công thương
11	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%) - Biến mới năm 2021	51%	31%	Chưa tốt	61		Cục thuế tỉnh
12	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng - Biến mới năm 2021	73%	71%	Chưa tốt	37		Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng QLĐT/ P.KTHT)
13	DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	11%	4%	Chưa tốt	59		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện thành phố

*(Handwritten mark)*



TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm chính
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
14	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN)	31%	27%	Chưa tốt	42		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
15	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	42%	37%	Chưa tốt	40		Thanh tra tỉnh
16	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	35%	21%	Chưa tốt	58		Thanh tra tỉnh
		<b>Tổng cộng</b>		<b>16</b>			
		Tốt		1			
		Chưa tốt		15			

**PHỤ LỤC 6-CSTP 6: CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG**

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
	<b>Cạnh tranh bình đẳng</b>	<b>3,72</b>	<b>5,99</b>		<b>63</b>	<b>53</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>
1	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	73%	77%	Chưa tốt	50		VPUBND tỉnh; Các sở, ban, ngành, địa phương
2	Tình ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	66%	53%	Chưa tốt	60		Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các sở, ban, ngành, địa phương
3	Tình ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	56%	39%	Chưa tốt	62		Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các sở, ban, ngành, địa phương
4	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	41%	25%	Chưa tốt	61		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	31%	20%	Chưa tốt	63		VP UBND tỉnh; Sở ngành địa phương; UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	31%	16%	Chưa tốt	62		Các sở, ban, ngành, địa phương
7	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	21%	10%	Chưa tốt	63		Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	36%	20%	Chưa tốt	63		Các sở, ban, ngành, địa phương
9	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	23%	17%	Chưa tốt	51		Cục thuế tỉnh
10	Việc tính ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	52%	43%	Chưa tốt	48		Các sở, ban, ngành, địa phương
11	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% Đồng ý)	71%	61%	Chưa tốt	54		Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện, thị xã, thành phố
		<b>Tổng cộng</b>	<b>11</b>				
		Tốt	0				
		Chưa tốt	11				



PHỤ LỤC 7- CSTP 7: TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ TIÊN PHONG CỦA CHÍNH QUYỀN

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Đơn vị phụ trách
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
	<b>Tính năng động và tiên phong của chính quyền</b>	<b>6,75</b>	<b>6,82</b>		<b>36</b>	<b>31</b>	<b>Văn phòng UBND tỉnh</b>
1	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	65%	62%	Tốt	19		Văn phòng UBND tỉnh
2	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% DN)	38%	29%	Chưa tốt	54		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm 2021	34%	32%	Chưa tốt	38		Các sở, ban, ngành cấp tỉnh
4	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% Đồng ý)	85%	86%	Chưa tốt	35		Văn phòng UBND tỉnh
5	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	70%	74%	Chưa tốt	46		Văn phòng UBND tỉnh
6	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm 2021	37%	36%	Chưa tốt	34		UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	81%	79%	Tốt	24		Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh
8	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	53%	53%	Tốt	34		Văn phòng UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình - Biến mới năm 2021	63%	72%	Chưa tốt	52		Văn phòng UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố
		<b>Tổng cộng</b>	<b>9</b>				
		Tốt	3				
		Không tốt	6				

**PHỤ LỤC 8-CSTP 8: CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP**

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				KH2022	Đơn vị chịu trách nhiệm
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
	<b>Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp</b>	<b>6,31</b>	<b>6,85</b>		<b>46</b>	<b>36</b>	<b>Sở Công thương</b>
1	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	85%	83%	Tốt	29		Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại trên địa bàn
2	Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	81%	82%	Chưa tốt	36		Hội Doanh nghiệp tỉnh
3	Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	79%	86%	Chưa tốt	46		BQL Khu Kinh tế
4	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	76%	79%	Chưa tốt	40		Sở Tư pháp
5	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	76%	82%	Chưa tốt	47		Sở Công thương
6	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	76%	81%	Chưa tốt	42		Sở Khoa học và Công nghệ
7	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động để thực hiện (%) - Biến mới năm 2021	75%	83%	Chưa tốt	45		Sở Lao động, thương binh và xã hội
8	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng) - Biến mới năm 2021	26%	28%	Chưa tốt	35		Sở Công thương
9	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%) - Biến mới năm 2021	52%	63%	Chưa tốt	54		Sở Công thương
10	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs - Biến mới năm 2021	23%	21%	Tốt	23		Sở Công thương
11	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%) - Biến mới năm 2021	88%	75%	Tốt	9		Sở Công thương
12	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	0,36%	0,76%	Chưa tốt	55		Sở Kế hoạch và Đầu tư
13	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	69%	83%	Chưa tốt	42		Sở Kế hoạch và Đầu tư
		<b>Tổng cộng</b>	<b>13</b>				
		<b>Tốt</b>	<b>3</b>				
		<b>Chưa tốt</b>	<b>10</b>				

PHỤ LỤC 9-CSTP 9: ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	Số với trung vị cả nước	Thứ hạng		
	<b>Đào tạo lao động</b>	<b>5,78</b>	<b>5,81</b>		<b>35</b>	<b>30</b>	<b>Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</b>
1	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021	58%	73%	Chưa tốt	59		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
2	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021	38%	35%	Tốt	26		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
3	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021	27%	30%	Chưa tốt	41		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
4	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	6,59	5,72	Chưa tốt	47		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
5	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	1,75	1,51	Chưa tốt	46		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
6	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	52%	54%	Chưa tốt	39		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
7	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%) - Biến mới năm 2021	60,13	52,85	Tốt	17		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
8	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (% TCTK)	21,87	20,07	Tốt	21		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
9	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%) - Điều chỉnh năm 2021	53%	55%	Chưa tốt	38		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
10	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	68%	69%	Chưa tốt	36		Sở Giáo dục và Đào tạo
11	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDDT)- Biến mới 2021	5,78	6,16	Chưa tốt	50		Sở Giáo dục và Đào tạo

<b>Tổng cộng</b>	<b>11</b>
Tốt	3
Chưa tốt	8

**PHỤ LỤC 10- CSTP 10: THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ**

TT	Tên chỉ số thành phần	Thực hiện năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Đơn vị chịu trách nhiệm
		Chỉ số của tỉnh	Trung vị cả nước	So với trung vị cả nước	Thứ hạng		
	<b>Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự</b>	<b>5,92</b>	<b>7,19</b>		<b>61</b>	<b>51</b>	<b>Sở Tư pháp</b>
1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	38%	43%	Chưa tốt	45		Thanh tra tỉnh
2	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	82%	90%	Chưa tốt	62		Sở Tư pháp
3	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	53%	59%	Chưa tốt	51		Tòa án nhân dân tỉnh
4	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	42%	49%	Chưa tốt	48		Sở Nội vụ
5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	89%	94%	Chưa tốt	56		Tòa án nhân dân tỉnh
6	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	77%	82%	Chưa tốt	53		Tòa án nhân dân tỉnh
7	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	78%	82%	Chưa tốt	52		Sở Tư pháp
8	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	75%	84%	Chưa tốt	55		Sở Tư pháp
9	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	75%	80%	Chưa tốt	49		Thanh tra tỉnh
10	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	74%	71%	Tốt	25		Thanh tra tỉnh
11	Phán quyết của toà án là công bằng (% Đồng ý)	81%	92%	Chưa tốt	62		Tòa án nhân dân tỉnh
12	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	0,49	1,18	Chưa tốt	57		Tòa án nhân dân tỉnh
13	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh (% , TANDTC)	38%	86%	Chưa tốt	60		Tòa án nhân dân tỉnh
14	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% , TANDTC)	70%	66%	Tốt	25		Tòa án nhân dân tỉnh
15	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	72%	78%	Chưa tốt	47		Công an tỉnh
16	Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	15%	6%	Chưa tốt	59		Công an tỉnh
17	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	71%	64%	Tốt	12		Công an tỉnh
18	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	4%	1%	Chưa tốt	59		Công an tỉnh
<b>Tổng cộng</b>					<b>18</b>		
<b>Tốt</b>					<b>3</b>		
<b>Chưa tốt</b>					<b>15</b>		